TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số:35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2024
Về việc "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quang Minh
Các Hội thẩm nhân dân
1. Ông Nguyễn Văn Thành
2. Ông Nguyễn Trường Ca

- Thư ký phiên toà*:* Ông Nguyễn Đức Phú – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 478/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1972. Địa chỉ: KDC Đ, phường H, TP ., tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T- Luật sư văn phòng L- Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1969. Địa chỉ: KDC Đ, phường H, TP ., tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2023 của TAND thành phố Chí Linh. Theo quyết định nêu trên về tài sản chung chị và anh

H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng sau khi ly hôn chị D và anh H không tự thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp.

Do đó chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là thửa đất số 11, tờ bản đồ 05 địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã H (nay là KDC Đ, phường H, TP .). Nay chị yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 50:50 cụ thể chị nhận quyền sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ phần quyền sử dụng đất không có công trình trên đất còn để anh H sở hữu, sử dụng, quản lý quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, anh H có trách nhiệm thanh toán cho chị 1 giá trị công trình xây dựng trên đất bằng tiền. Chị không yêu cầu định giá, chia đồ dùng sinh hoạt và cây cối hoa màu vì không có giá trị.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh nhất trí với trình bày của chị D là trước đây anh và chị D là vợ chồng nhưng năm 2023 đã được TAND thành phố Chí Linh giải quyết cho ly hôn. Anh thống nhất với chị D là trong thời kỳ hôn nhân hai bên có tạo dựng khối tài sản chung như chị D trình bày gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 5 địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã H (nay là KDC Đ, phường H, TP .). Hiện nay anh là người quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản đó. Nay chị D khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Anh đồng ý với kết quả định giá nhà đất do hội đồng định giá đã định giá ngày 30/7/2024 với tổng giá trị tài sản chung là: 964.153.013 đồng không có ý kiến khiếu nại. Anh thống nhất với chị D không yêu cầu định giá và chia đồ dùng sinh hoạt và cây cối hoa màu vì không có giá trị. Về cách thức chia anh đề nghị chia cho anh sử dụng phần đất có công trình tài sản trên đất, anh sẽ trả chênh lệch cho chị D 1/2 giá trị tài sản trên đất bằng tiền còn chia cho chị D sở hữu, sử dụng, quản lý phần đất không có công trình trên đất.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND phường H và các hộ liền kề thửa đất của chị D và anh H gồm hộ ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn B thể hiện các cạnh của thửa đất đều không lấn chiếm và tranh chấp gì với các gia đình giáp ranh. Ủy ban phường xác định phần đất của chị D và anh H có hiện trạng thay đổi dôi dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số phần đất này chị D, anh H sử dụng ổn định từ trước đến nay không phải đất do nhà nước quản lý. Nên là sở hữu hợp pháp của anh chị.

Các bên đương sự đã được biết kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đo đạc và định giá tài sản và đồng ý với kết quả thẩm định, định giá tài sản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị giao cho anh H sử dụng phần đất có công trình và tài sản trên đất và trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị D còn để chị D sử dụng phần đất không có tài sản trên đất.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn tuân thủ đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định của pháp luật, tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ các quy định của BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 213, 357 Bộ luật dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D về việc chia tài sản sau ly hôn.

Xác định khối tài sản chung của chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm toàn bộ tài sản tọa lạc trên thửa đất số 11, tờ bản đồ 05 địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã H (nay là KDC Đ, phường H, TP .). Tổng trị giá là 964.153.013 đồng. Giao cho chị Nguyễn Thị D quản lý sở hữu, sử dụng, định đoạt toàn bộ diện tích đất không có công trình trên đất.

Giao cho anh Phạm Văn H quản lý sở hữu, sử dụng, quản lý toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với phần diện tích đất có tài sản công trình trên đất. Anh Phạm Văn H phải trả chênh lệch cho chị Nguyễn Thị D giá trị phần tài sản chênh lệch tương ứng.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Chị D và anh H mỗi bên phải chịu một nửa chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc chị D và anh H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên, bị đơn và kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

1 [Về thủ tục tố tụng]

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị D khởi kiện đối với anh Phạm Văn H để chia tài sản sau ly hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phạm Văn H cư trú tại KDC Đ, phường H, TP .. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Chí Linh.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản sau ly hôn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị D và bị đơn anh H đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân chị và anh H đã tạo lập được tài sản chung là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc trên thửa đất số 11, tờ bản đồ 05 địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã H (nay là KDC Đ, phường H, TP .).

Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quyền sử dụng đất, ngôi nhà và các công trình phụ khác trên thửa đất trên là tài sản chung mà chị D và anh H đã tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Tổng giá trị tài sản quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 964.153.013 đồng . Do các đương sự có công sức đóng góp ngang nhau trong khối tài sản chung nên được hưởng giá trị tài sản ngang bằng nhau.

[2.2] Về giá trị tài sản chung: Tại biên bản định giá tài sản ngày 30/7/2024 xác định. Tổng cộng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung trị giá: 964.153.013 đồng. Cả chị D và anh H đều nhất trí với giá trị tài sản chung đã được định giá và không có ý kiến gì. Các đương sự đều không đề nghị định giá và chia đồ dung sinh hoạt và cây cối nên không xem xét giải quyết. Vì vậy HĐXX có căn cứ xác định tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của chị D và anh H có giá trị là 964.153.013 đồng phù hợp với giá thị trường tại thời điểm hiện nay nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tỷ lệ phân chia tài sản chung: Về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn được chia đôi và sẽ tính đến thực tế nhu cầu sử dụng, khả năng về kinh tế của từng người cũng như đảm bảo ổn định tình hình an ninh trật tự sau này. Do từ khi chị D và anh H ly hôn đến nay thì chị D ở với con trai còn anh H vẫn ở trên khối tài sản chung. Chị D yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ

50:50, cụ thể chị và anh H mỗi người được nhận 50% giá trị tài sản chung. Chị nhất trí để anh H sở hữu, sử dụng, quản lý phần đất có công trình trên đất còn chị sở hữu, sử dụng, quản lý phần diện tích đất không có công trình. Do phần diện tích đất có công trình anh H sử dụng có diện tích 377,1m^2 nhiều hơn phần diện tích đất không có công trình để chị D sử dụng có diện tích 346m^2 (chênh lệch 31,1m^2). Nên anh H phải trả chênh lệch cho chị D phần diện tích chênh lệch hơn 15,55m^2 và 1/2 phần giá trị tài sản công trình trên đất phù hợp với Luật xây dựng, Luật nhà ở, Luật quy hoạch đô thị. Hội đồng xét xử, xét thấy hiện nay anh H vẫn hàng ngày sử dụng, quản lý và ở trên nhà đất là tài sản chung, anh H sức khỏe yếu nên cần chia cho anh H được sở hữu, sử dụng, quản lý đối với phần đất có công trình trên đất ổn định cuộc sống và phù hợp với thực tế. Mặt khác chị D có nguyện vọng được chia phần đất không có công trình để chị xây dựng nhà mới để ở và sinh sống là phù hợp với nguyện vọng của các bên thấu tình đạt lý.

[2.4] Về đề nghị của đại diện VKS về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với phân tích nêu trên nên chấp nhận.

Đối với phần diện tích đất theo hiện trạng thẩm định đo vẽ có sự thay đổi tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 150,1 m^2 phần diện tích đất này chị D và anh H sử dụng ổn định nhiều năm nay không có tranh chấp với bất kỳ hàng xóm liền kề nào. Mặt khác UBND phường H khẳng định diện tích đất này do sai số đo đạc khi cấp giấy và chị D, anh H sử dụng hợp pháp nhiều năm nay, đây không phải đất công và nhà nước không quản lý nên cần xác định diện tích đất tăng này là sở hữu hợp pháp của anh chị. Phù hợp với thực tế cần chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.5] Về chi phí tố tụng: Do tài sản được chia đôi nên nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu 1/2 chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

[2.6] Về án phí: Chị D và anh H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự tương ứng với phần giá trị được hưởng nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.283.060 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 147BLTTDS, điểm b khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 213, 357 Bộ luật dân sự.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D về việc chia tài sản sau ly hôn.

1. Xác định khối tài sản chung của chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc trên thửa đất số 11, tờ bản đồ 05, mang tên Phạm Văn H và Nguyễn Thị D được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/9/2006, địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là KDC Đ, phường H, TP ., tỉnh Hải Dương). Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 964.153.013 đồng.

2. Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn H mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản chung là 964.153.013 đồng : 2 = 482.076.506 đồng.

3. Giao cho chị Nguyễn Thị D được quyền sở hữu, sử dụng, quản lý toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo sơ đồ thẩm định đo vẽ có hình thể các vị trí từ điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A13-A14 có diện tích đất là 346m^2 (có sơ đồ kèm theo).

4. Giao cho anh Phạm Văn H được quyền sở hữu, sử dụng, quản lý toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo sơ đồ thẩm định đo vẽ có hình thể các vị trí từ điểm A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13 có diện tích đất là 377,1m^2 (có sơ đồ kèm theo).

Anh Phạm Văn H có trách nhiệm trả chênh lệch cho chị Nguyễn Thị D 50% giá trị công trình, tài sản trên đất là 298.189.513 đồng : 2 = 149.094.756 đồng và giá trị chênh lệch 15,55m^2 đất (là phần đất anh H hưởng nhiều hơn chị D, anh H phải thanh toán trả chị D giá trị 15,55m^2 đất x 2.100.000đ/1m^2 = 32.655.000đ). Tổng số tiền anh H phải trả chênh lệch cho chị D là 181.749.756 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị D và anh H có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 8.600.000 đồng. Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn

H mỗi người phải chịu 4.300.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Chị D đã nộp tạm ứng 8.600.000 đồng nên anh H phải thanh toán trả chị D 4.300.000 đồng.

6. Về án phí: Án phí chia tài sản có giá ngạch: Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí sơ thẩm dân sự chia tài sản chung là 23.283.060 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0001200 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị D còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm dân sự chia tài sản là 8.283.060 đồng .

Buộc anh Phạm Văn H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự chia tài sản là 23.283.060 đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP .Chí Linh;
- Các đương sự (nguyên, bị đơn);
- UBND phường Hoàng Tân ghi sổ hộ tịch.
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Quang Minh